

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG XƯƠNG
TỈNH THANH HÓA

Bản án số: 08/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29/6/2020

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Lý

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Lợi

2. Bà Nguyễn Thị Lệ Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2020, Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 37/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08 ngày 15/6/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị H - SN 1978

Nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã Q (nay là thị trấn T), huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Thôn T, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Bùi Sỹ T - SN 1972

Địa chỉ: Thôn T, xã Q (nay là thị trấn T), huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị H, vắng mặt anh T không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai, quá trình hòa giải nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày:

- *Về hôn nhân:* Chị và anh Bùi Sỹ T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu. Tổ chức cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q (nay là thị trấn T), huyện Q, tỉnh Thanh Hóa ngày 31/3/2000.

Sau khi kết hôn, anh, chị chung sống hạnh phúc được khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, luôn bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, đánh nhau. Mâu thuẫn giữa vợ chồng đã được hai bên gia đình nội, ngoại giàn xếp nhưng không mang lại kết quả. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nhất từ tháng 6/2019 anh, chị đã sống ly

thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- *Về con cái*: Chị và anh T có 02 con chung tên là Bùi Sỹ T - Sinh ngày 10/01/2001, Bùi Thị Phương T - Sinh ngày 14/10/2012. Hiện nay cháu Tiến đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu T chưa đến tuổi thành niên; Nếu được ly hôn chị xin nuôi con, không yêu cầu anh T phải đóng góp tiền nuôi con chung với chị.

- *Về tài sản và công nợ*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Bùi Sỹ T trình bày:

- *Về hôn nhân*: Về thời gian và điều kiện kết hôn như chị H trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ, chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nhất từ tháng 6/2020, vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhưng vì thương con nên chị H làm đơn xin ly hôn anh tại Tòa án, anh không đồng ý.

- *Về con cái*: Vợ chồng có 02 con chung tên là Bùi Sỹ T - Sinh ngày 10/01/2001, Bùi Thị Phương T - Sinh ngày 14/10/2012. Hiện nay cháu T đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu T chưa đến tuổi thành niên; nếu phải ly hôn anh đồng ý để chị H nuôi cháu T, anh tự nguyện đóng góp tiền nuôi con chung với chị H mỗi tháng 1.000.000đ.

- *Về tài sản và công nợ*: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/3/2020 của cháu Bùi Thị Phương T trình bày: Nếu bố, mẹ không về ở với nhau, nguyện vọng của cháu xin ở với mẹ.

Thu thập chứng cứ tại địa phương: Chị H và anh T kết hôn với nhau năm 2000. Sau khi kết hôn, anh, chị chung sống hạnh phúc tại thôn Đ, xã Q (nay là thị trấn T), huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình anh, chị chung sống ở địa phương có mâu thuẫn như thế nào thì địa phương không rõ, chỉ nghe nói anh T uống rượu về đánh chị H. Đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng trình tự, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn chấp hành không đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*: Chị Lê Thị H và anh Bùi Sỹ T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Q (nay là thị trấn T), huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Đây là quan hệ “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ, nhưng anh T vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] *Về hôn nhân*: Chị H và anh T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q (nay là thị trấn T), huyện Q, tỉnh Thanh Hóa ngày 31/3/2000 là Hôn nhân hợp pháp.

Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị H là do chị và anh T tính tình không hợp luôn bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vã, đánh đập nhau.

Anh T thừa nhận, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp thường xuyên cãi nhau. Tháng 6/2019 anh, chị đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhưng vì thương con nên anh không đồng ý với chị H.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần, tạo điều kiện cho anh, chị hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mặc dù tình cảm vợ chồng không còn, nhưng anh T không đồng ý ly hôn chị H vì anh thương các con. Tuy nhiên anh không có biện pháp gì để níu kéo được tình cảm giữa vợ chồng.

Tại phiên tòa, chị H cương quyết xin ly hôn anh T.

Xét thấy, tình cảm giữa vợ chồng anh T, chị H là trầm trọng, anh, chị đã không chung sống với nhau một thời gian dài, mục đích hôn nhân không đạt được; Do đó HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lê Thị H.

[3] *Về con cái*: Anh, chị có 02 con chung tên là Bùi Sỹ T - Sinh ngày 10/01/2001, Bùi Thị Phương T - Sinh ngày 14/10/2012. Hiện nay cháu T đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu T chưa đến tuổi thành niên; ly hôn anh, chị thống nhất chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với chị H mỗi tháng 1.000.000đ.

Xét thấy việc thỏa thuận nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung giữa anh T và chị H là tự nguyện phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[4] *Về tài sản và công nợ*: Chị H, anh T đều thống nhất không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] *Về án phí*: Chị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, anh T phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS. Điều 6; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273; Điều 278; Khoản 1 Điều 280 của BLTTDS. Điều 6; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Xử:

1. *Về hôn nhân*: Chị Lê Thị H được ly hôn anh Bùi Sỹ T.

2. *Về con chung*: Chị H, anh T có 02 con chung tên là Bùi Sỹ T - Sinh ngày 10/01/2001, Bùi Thị Phương T - Sinh ngày 14/10/2012.

Ghi nhận sự tự nguyện nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung giữa chị H và anh T như sau:

Cháu T đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Đối với cháu T; anh, chị thống nhất chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với chị H mỗi tháng 1.000.000đ. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7/2020 đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Anh T, chị H có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. *Về tài sản và công nợ*: Anh T, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. *Về án phí*: Chị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã là 300.000đ theo biên lai thu số 2003 ngày 24/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. Chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm. Anh T phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- VKSND H.Quảng Xương;
- UBND thị trấn T, Huyện Q
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Lý